

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số 1911 /UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 06 tháng 3 năm 2020

V/v hướng dẫn quy đổi tạm thời chứng chỉ ngoại ngữ, tin học áp dụng cho việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 02/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C; Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành; Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phúc đáp Công văn số 4453/BNV-CCVC ngày 22/10/2014 của Bộ Nội vụ về việc “quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ”;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 173/TTr-SGDĐT ngày 06/02/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu hướng dẫn việc quy đổi tạm thời chứng chỉ ngoại ngữ, tin học áp dụng cho việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh, như sau:

**1. Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ:**

- Trình độ ngoại ngữ của cán bộ, công chức, viên chức được quy định theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Trong khi chờ các Bộ, ngành liên quan ban hành văn bản pháp lý quy định thống nhất việc thực hiện hoạt động của hệ thống khảo thí ngoại ngữ quốc gia, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc quy đổi tạm thời chứng chỉ ngoại ngữ như sau:

### 1.1. Đối với chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị của Việt Nam cấp:

- Trình độ A theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trình độ A1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 1 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trình độ B theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trình độ A2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 2 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trình độ C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trình độ B1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 3 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trình độ B2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 4 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trình độ C1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 5 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trình độ C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tương đương bậc 6 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/ 01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 1.2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ do nước ngoài cấp:

a) Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

Khung tham chiếu châu Âu (CEFR)	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge English	Khung NLNN 6 bậc
A1	1.0-2.5	120-220* (50-30)	310-393	33-90	9-29	KET (45-49)	1
A2	3.0-3.5	225-545* (70-50)	397-433	93-120	30-40	PET (45-49); KET Pass with Merit, Pass	2
B1	4.0-4.5	550-780* (105-90)	437-473	123-150	41-52	FCE (45-49); PET Pass with Merit, Pass; KET Pass with Distinction	3
B2	5.0-6.0	785-940* (140-130)	477-547	153-210	53-78	CAE (45-49); FCE grade B or C; PET Pass with Distinction	4



<b>C1</b>	6.5-7.0	945-990* (170-165)	550-587	213-240	79-95	CPE (45-49); CAE grade B or C; FCE grade A	<b>5</b>
<b>C2</b>	7.5-9.0	990+	590-677	243-300	96-100	CPE grade A, B or C; CAE grade A	<b>6</b>

Đối với Chứng chỉ JETSET do Tổ chức Pearson EDI Vương quốc Anh cấp: (là chứng chỉ đánh giá năng lực tiếng Anh từ cấp độ 1 đến cấp độ 7) Cấp độ 1 của chứng chỉ JETSET tương ứng với cấp độ dưới A1 của Khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ (Khung CEFR). Từ cấp độ 2 đến cấp độ 7 tương ứng với cấp độ từ A1 đến C2 của Khung CEFR, tương đương từ cấp độ 1 đến cấp độ 6 của Khung NLNN 6 bậc.

**Ghi chú:** (\*) TOEIC 2 kỹ năng (Nghe, Đọc). Đối với giáo viên dạy tiếng Anh phải đạt TOEIC 4 kỹ năng (*bổ sung thêm kỹ năng Nói, Viết*). Chẳng hạn như bậc 5 (cấp độ C1): 945 - 990\* (170 - 165) được hiểu là TOEIC 2 kỹ năng đạt từ 945 - 990, đối với giáo viên dạy tiếng Anh phải có đủ 4 kỹ năng, trong đó Nói đạt 170 và Viết đạt 165.

b) Đối với các ngoại ngữ khác (do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế cấp hợp pháp):

<b>Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc</b>	<b>Tiếng Nga</b>	<b>Tiếng Pháp</b>	<b>Tiếng Đức</b>	<b>Tiếng Trung</b>	<b>Tiếng Nhật</b>
Bậc 1 (A1)	ТЭУ (TEU)	DELFL Prim, DELFL Junior/Scolaire, DELFL Tous Publics và DELFL Pro	Goethe Zertifikat A1/ Deutsches Sprachdiplom A1 (GZ A1/DSD A1)	HSK cấp độ 1	JLPT N5
Bậc 2 (A2)	ТБУ (TBU)	DELFL Prim, DELFL Junior/Scolaire, DELFL Tous Publics và DELFL Pro	Goethe Zertifikat A2/ Deutsches Sprachdiplom A2 (GZ A2/DSD A2)	HSK cấp độ 2	JLPT N4
Bậc 3 (B1)	ТРКИ-1 (TRKI-1)	DELFL Junior/Scolaire, DELFL Tous Publics và DELFL Pro	Goethe Zertifikat B1/ Deutsches Sprachdiplom B1 (GZ B1/DSD B1/ ZD B1)	HSK cấp độ 3	JLPT N3
Bậc 4 (B2)	ТРКИ-2 (TRKI-2)	DELFL Junior/Scolaire, DELFL Tous Publics và DELFL Pro	B2 test DaF Level 4	HSK cấp độ 4	JLPTN2
Bậc 5 (C1)	ТРКИ-3 (TRKI-3)	DALF C1		HSK cấp độ 5	JLPTN1
Bậc 6 (C2)	ТРКИ-4 (TRKI-4)	DALF C2		HSK cấp độ 6	JLPTN1

Tất cả các chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ được các tổ chức, đơn vị trong nước và quốc tế cấp hợp pháp (bao gồm chứng chỉ ngoại ngữ do các đơn vị Việt Nam cấp theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 và Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chứng nhận ngoại ngữ do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức rà soát, thi, cấp theo Khung 6 bậc; chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung CEFR; chứng nhận ngoại ngữ sau đại học do các trường đại học cấp) được quy định, hướng dẫn tại Công văn này đều được công nhận.

## 2. Quy đổi chứng chỉ tin học:

- Công nhận các chứng chỉ tin học được cấp theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 02/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã được cấp trước ngày 31/12/2016 (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C) có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 02/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông.

**3. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:** tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước việc tổ chức dạy, thi, cấp chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học trên địa bàn tỉnh; đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra các đơn vị tổ chức dạy, thi, cấp chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ, tin học trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Trên đây là nội dung hướng dẫn về việc quy đổi tạm thời chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan áp dụng cho việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn này.

Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học được triển khai thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh đến khi các Bộ chuyên ngành có quy định cụ thể về việc này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: GDĐT, NV;
- CVP.UBND tỉnh;
- UBND các H, TX, TP;
- Lưu: VT, VX6.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH ✓  
  
**Trần Văn Tuấn**